TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2020/DS-PT
Ngày 10 - 8 - 2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Ông Lê Thanh Hùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Chúc Ly – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/2020/TLPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 65/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Cao Thị Bé H, sinh năm 1929; cư trú tại: Ấp Q, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. (chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Cao Thị Bé H:

1. Bà Bùi Kim N, sinh năm 1959 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Q, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Bùi Kim N: Ông Lâm Quốc T, luật sư của Công ty Luật H. (Có mặt)

2. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1961

Địa chỉ: Ấp Q, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị N: Bà Bùi Kim N, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp Q, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3. Ông Bùi Văn Q, sinh năm 1959 (chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Q:

1. Bà Trần Thị M, sinh năm 1960 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Q, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

2. Chị Bùi Kiều G, sinh năm 1978 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Q, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3. Chị Bùi Kiều T, sinh năm 1980 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 5, Phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

4. Chị Bùi Kiều D, sinh năm 1984 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Đường Trần Văn O, Khóm 10, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

5. Anh Bùi Đức V, sinh năm 1990 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Q, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: Số 15, Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1943; cư trú: Ấp Q, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số 30/78A, Lâm Văn B, phường T, Quận 7, thành phố H. Văn bản ủy quyền ngày 29/5/2020. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Cao Quốc T, sinh năm 1967

2. Chị Đặng Thùy M, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Ấp Q, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Đặng Thùy M: Anh Cao Quốc T, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp Q, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Văn bản ủy quyền ngày 30/7/2019. (Có đơn xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1943; cư trú: Ấp Q, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai tại Tòa án, bà Bùi Kim N là đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị Bé H trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ ruột bà Bé H là ông Cao Văn L và bà Châu Thị Đ để lại cho bà Bé H từ năm 1975, với diện tích khoảng 4.000 m^2. Khi cho chỉ thỏa thuận miệng, không có làm giấy tờ nhưng anh em trong gia đình đều biết như: Bà

Cao Thị S, bà Cao Thị T, bà Cao Thị S1 và bà Cao Thị H1. Khi cho đất không đo đạc thực tế nên không biết diện tích cụ thể. Hiện trạng đất trước đây là đất biển có các cạnh giáp với đất ông Trần Văn H và ông Cao Văn P.

Sau khi được cho đất thì bà H sử dụng trồng đước đến đầu năm 2016 khai thác và để đất trống. Khoảng tháng 9/2016 bà Bé H xin đất của ông H đổ lên phần đất đã thu hoạch đước để đắp nền do nước ngập xung quanh. Lúc này bà Huỳnh Thị C và con trai là anh Cao Quốc T ngăn cản, từ đó phát sinh tranh chấp. Đất tranh chấp trước đây bà Bé H có đến Ủy ban nhân dân xã A (nay là Ủy ban nhân dân xã A1) kê khai đăng ký quyền sử dụng đất (không nhớ rõ thời gian cụ thể) nhưng không được với lý do đất biển bãi không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay bà đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị Bé H thay đổi một phần nội dung đơn khởi kiện chỉ yêu cầu bà Huỳnh Thị C có trách nhiệm trả lại cho bà Cao Thị Bé H phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 78,3m^2, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Huỳnh Thị C trình bày: Nguồn gốc đất trước đây là của cha mẹ chồng bà là ông Cao Văn L và bà Châu Thị Đ cho lại vợ chồng bà cách nay khoảng 50 năm (còn cho vào thời gian nào thì bà không nhớ) khi cho chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ, nhưng anh em trong gia đình bên chồng bà đều biết như: bà Cao Thị T, bà Cao Thị S, bà Cao Thị H1. Khi cho đất không có đo đạc thực tế chỉ nói khoảng 20 công (trong đó có phần đất hiện nay đang tranh chấp), hiện trạng đất khi cho là đất biển nên gia đình bà không có canh tác, sử dụng gì chỉ dùng vào việc thả trâu và chăn nuôi.

Cách nay khoảng 20 năm, chồng bà là ông Cao Văn P mới kêu chị ruột là bà Cao Thị Bé H về sống gần với anh em nên có cho mượn phần đất ngang khoảng 03 tầm, chiều dài khoảng 03 tầm để cất nhà ở. Trong thời gian này gia đình bà H khó khăn nên có mượn vợ chồng bà một phần đất để trồng đước vì thấy đất trống không có nhu cầu sử dụng nên bà đồng ý cho mượn khi nào khai thác thì trả đất lại. Quá trình sử dụng đất thì bà Bé H ngày càng lấn sang phần đất của bà, do tình nghĩa chị em với nhau nên bà không có ý kiến gì. Vào năm 2016, bà Bé H tự ý cặm trụ đá lấn qua phần đất của bà khoảng 03 – 04 tầm nên bà không đồng ý, từ đó phát sinh tranh chấp.

Diện tích đất tranh chấp trước đây bà đã kê khai nhưng chưa được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất lý do là đất biển bãi. Toàn bộ phần đất này bà đã cho người con trai là Cao Quốc T sử dụng, nhưng chưa cho chính thức vì chưa làm thủ tục tặng cho theo quy định pháp luật. Nay bà Cao Thị Bé H khởi kiện yêu cầu bà trả lại phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 78,3m^2 thì bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Cao Quốc T (là đại diện theo ủy quyền cho chị Đặng Thùy M) trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp theo ý kiến trình bày của mẹ ruột anh là đúng, trước đây anh không nhớ thời gian cụ thể mẹ anh có nói là cho anh phần đất này và đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất

cho anh đứng tên. Đất hiện nay anh đang quản lý và thống nhất theo ý kiến của cha mẹ ruột anh là đúng, trước đây anh không nhớ thời gian cụ thể mẹ anh có nói là cho anh phần đất này và đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất cho anh đứng tên. Đất hiện nay anh đang quản lý và thống nhất theo ý kiến của mẹ ruột anh, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 99, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghi quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Bé H đối với bà Huỳnh Thị C.

Buộc bà Huỳnh Thị C, anh Cao Quốc T và chị Đặng Thùy M có nghĩa vụ giao trả cho bà Cao Thị Bé H phần đất có diện tích 78,3 m^2 nằm tại thửa 235, tờ bản đồ số 07 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc ấp Q, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu có vị trí và hiện trạng như sau:

Hướng Đông giáp phần đất của bà Huỳnh Thị C cạnh dài 02m;

Hướng Tây giáp đường lộ xi măng cạnh dài 2,12m;

Hướng Nam giáp phần đất của bà Cao Thị Bé H cạnh dài 25,9m;

Hướng Bắc giáp phần đất của bà Huỳnh Thị C cạnh dài 13,17m và 13,06m.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, bị đơn bà Huỳnh Thị C kháng cáo nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Bé H đối với bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Bùi Kim N là luật sư Lâm Quốc T trình bày: Nguồn gốc đất là của ông Cao Văn L và bà Châu Thị Đ cho lại bà Cao Thị Bé H. Sau khi được cho đất, bà Cao Thị Bé H sử dụng không ai tranh chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị C, giữ nguyên bản án số 67/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị C giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 67/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị C nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2.1] Bà Cao Thị Bé H chết vào ngày 23/12/2019, các con của bà H gồm bà Bùi Thị Thu N, bà Bùi Kim N, bà Bùi Thị N1, ông Bùi Văn Q. Tuy nhiên, bà Bùi Thị Thu N chết năm 1975, trước khi chết không có chồng con. Ông Bùi Văn Q chết năm 2012, ông Q có vợ tên Trần Thị M và các con gồm chị Bùi Kiều G, chị Bùi Kiều T, chị Bùi Kiều D, anh Bùi Đức V. Do đó, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Cao Thị Bé H bao gồm: Bà Bùi Kim N, bà Bùi Thị N1, bà Trần Thị M, chị Bùi Kiều G, chị Bùi Kiều T, chị Bùi Kiều D, anh Bùi Đức V. Tuy nhiên, bà Trần Thị M, chị Bùi Kiều G, chị Bùi Kiều T, chị Bùi Kiều D, anh Bùi Đức V từ chối kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà H. Do đó, bà Bùi Kim N và bà Bùi Thị N1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà H là vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị C giao trả phần đất có diện tích 78,3 m^2 tọa lạc ấp Q, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[2.2] Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị C yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy bà Cao Thị Bé H và bà Huỳnh Thị C thống nhất thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Cao Văn L và bà Châu Thị Đ. Nguyên đơn bà Cao Thị Bé H yêu cầu bà Huỳnh Thị C trả lại phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 102,8m^2, tại phiên tòa sơ thẩm bà Bùi Kim N là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả lại phần đất có diện tích 78,3m^2.

[2.3] Tại biên bản làm việc ngày 25/10/2018 với ông Nguyễn Thành G, phó trưởng ấp Q xác định trên phần đất tranh chấp gia đình bà Bé H đã sử dụng trồng cây đước khoảng 12 đến 13 năm, trong quá trình trồng cây cho đến khi khai thác không có ai tranh chấp hay ngăn cản trình báo với chính quyền địa phương. Cách nay khoảng hơn một năm, bà H đã thu hoạch đước rồi và đổ đất làm nền nhà thì bà C ngăn cản nên phát sinh tranh chấp. Bà C cho rằng chồng bà cho bà Bé H mượn đất nhưng không có giấy tờ, bà H không thừa nhận, bà C không đưa ra chứng cứ

nào khác để chứng minh đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà. Gia đình bà C không sử dụng đất và cũng không kê khai đăng ký, trong khi các phần đất khác liền kề với đất tranh chấp của gia đình đã được kê khai trên sổ Mục kê đất đai của xã. Do đó, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Bé H buộc bà Huỳnh Thị C trả lại phần đất có diện tích 78,3 m^2 tại thửa 235, tờ bản đồ số 07 là có căn cứ.

[2.4] Theo đơn khởi kiện bà Cao Thị Bé H yêu cầu bà Huỳnh Thị C trả lại phần đất có diện tích 150m^2, tại biên bản hòa giải bà Bùi Kim N chỉ yêu cầu bà C giao trả lại phần đất theo đo đạc thực tế là 102,8 m^2. Tại phiên tòa bà Bùi Kim N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu bà H trả lại phần đất có diện tích 78,3m^2 do phần đất diện tích 24,5 m^2 bà C đã kê khai đăng ký cho anh Cao Quốc T đứng tên trong sổ mục kê. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà N là hoàn toàn tự nguyện do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận việc rút yêu cầu là phù hợp. Tuy nhiên, tại phần tuyên án Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích đất 71,7 m^2 là chưa đúng với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "*Trường hợp có đương sự rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của mình và việc rút yêu cầu của họ là tự nguyện thì Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu hoặc toàn bộ yêu cầu đương sự đã rút*". Thiếu sót này của cấp sơ thẩm không làm ảnh hưởng quyền lợi của các đương sự nên cấp phúc thẩm chỉ cần nêu rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm; đồng thời tuyên bổ sung trong phần quyết định bản án phúc thẩm.

[2.5] Về án phí, trong phần nhận định Tòa án cấp sơ thẩm có nêu nội dung miễn án phí cho bà Huỳnh Thị C do hiện nay bà Chiểu 76 tuổi là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án quy định: "1. *Người đề nghị được miễn, giảm tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, án phí, lệ phí Tòa án thuộc trường hợp quy định tại Điều 12, Điều 13 của Nghị quyết này phải có đơn đề nghị nộp cho Tòa án có thẩm quyền kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn, giảm."*; bởi lẽ, bà Huỳnh Thị C không có đơn xin miễn án phí. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà C cũng không có ý kiến gì về việc xin Hội đồng xét xử miễn án phí. Tuy nhiên, việc sửa bản án sơ thẩm về án phí sẽ gây bất lợi cho bị đơn trong khi nguyên đơn không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm nội dung trên.

[3] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị C; có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 67/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm, bà Huỳnh Thị C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 271, 273, 276, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 99, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quố hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị C. Giữ nguyên Bản án số 67/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Bé H đối với bà Huỳnh Thị C, đòi quyền sử dụng đất diện tích 78,3 m^2.

Buộc bà Huỳnh Thị C, anh Cao Quốc T và chị Đặng Thùy M có nghĩa vụ giao trả cho bà Cao Thị Bé H diện tích 78,3 m^2. Bà Bùi Kim N và bà Bùi Thị N1 là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Cao Thị Bé H đại diện nhận phần đất có diện tích 78,3 m^2 tại thửa 235, tờ bản đồ số 07 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp Q, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu có vị trí và hiện trạng như sau:

Hướng Đông giáp phần đất của bà Huỳnh Thị C cạnh dài 02m;

Hướng Tây giáp đường lộ xi măng cạnh dài 2,12m;

Hướng Nam giáp phần đất của bà Cao Thị Bé H cạnh dài 25,9m;

Hướng Bắc giáp phần đất của bà Huỳnh Thị C cạnh dài 13,17m và 13,06m.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Bé H đối với bà Huỳnh Thị C về diện tích đất 71,7 m^2 tọa lạc tại ấp Q, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Huỳnh Thị C có trách nhiệm hoàn trả cho bà Cao Thị Bé H số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng). Bà Bùi Kim N và bà Bùi Thị N1 là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Cao Thị Bé H đại diện nhận.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn cho bà Huỳnh Thị C.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Cao Thị Bé H không phải chịu. Bà Cao Thị Bé H đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011109 ngày 27/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được hoàn lại. Bà Bùi Kim N và bà Bùi Thị N1 là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Cao Thị Bé H đại diện nhận.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị C phải chịu 300.000 đồng. Bà C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng số 0004040 ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lệ Kiều